TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B.X** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 58/2024/QĐST–HNGĐ	*B.X, ngày 23 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh T.S.Đ

Địa chỉ: thôn V.P, xã B.Q, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị H.T.S

Địa chỉ: thôn V.P, xã B.Q, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân & Gia đình.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T.S.Đ và chị H.T.S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T.S.Đ và chị H.T.S, quan hệ hôn nhân của anh T.S.Đ và chị H.T.S chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu T.T.Y - sinh ngày 01/09/2014 cho anh T.S.Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu T.M.T – sinh ngày 28/04/2020 cho chị H.T.S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn anh T.S.Đ, chị H.T.S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí: Nguyên đơn anh T.S.Đ và bị đơn chị H.T.S thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của UBND xã B.Q tại giấy chứng nhận hộ nghèo số 32 ngày 05/01/2024. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án thì anh T.S.Đ và chị H.T.S được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND huyện BX
- THADS huyện BX;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS - Tập QĐ.
- UBND xã B.Q

(nơi dkkh và nơi cư trú)2

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thanh Hương.